

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2020

V/v “tranh chấp
xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tính**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Thu Thảo**;

Ông **Nguyễn Chí Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Mai Thị Ngọc H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Mai Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh T chung sống với nhau năm 2013, do tự nguyện có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do anh T cờ bạc không lo làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tháng 9 năm 2018, tôi về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh T cho đến nay.

Về con chung: Tôi và anh T có một con chung tên Phan Gia T, sinh ngày 30/11/2015, hiện cháu đang sống cùng với tôi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện T tổng đạt hợp lệ, đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xác định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Mai Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn T căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “xin ly hôn”.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phan Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Anh Phan Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện T triệu tập hợp lệ đến phiên xét xử lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Ngọc H:

[4.1] Về hôn nhân: Chị H xin ly hôn với anh T vì trong quá trình chung sống anh T cờ bạc không lo làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, chị H đã khuyên nhiều lần nhưng anh không sửa đổi. Tháng 9 năm 2018, chị H về nhà cha mẹ ruột sống anh T không đến động viên trở lại chung sống nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh T lúc mới phát sinh là không lớn nhưng anh T là người gây ra mâu thuẫn không biết khắc phục, tình trạng mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân không có điều kiện hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được. Chị H xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh không đến tham dự phiên tòa cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến. Như vậy, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H nên Hội đồng xét xử xét cho chị H được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị H xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Phan Gia T, sinh ngày 30/11/2015 vì cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân đến nay. Xét chị H là người đang trực tiếp chăm sóc con chung, để đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập của cháu T không bị xáo trộn cần để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu nên anh T chưa phải cấp dưỡng, khi cần thiết vì lợi ích của con chung chị H có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì quyền lợi của cháu T, anh T, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không có yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Mai Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định, anh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Ngọc H đối với anh Phan Văn T.

1.1 Về hôn nhân: Chị Mai Thị Ngọc H được ly hôn với anh Phan Văn T.

1.2 Về con chung: Giao cháu Phan Gia T, sinh ngày 30/11/2015 cho chị Mai Thị Ngọc H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí:

[2.1] Chị Mai Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20165 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị H đã nộp xong án phí.

[2.2] Anh Phan Văn T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

[3.1] Chị Mai Thị Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

[3.2] Anh Phan Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa án Tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Hữu Tính